

**C.** Dem chu kỳ tuần hoàn nhịp 8 vào các đơn vị thời gian khi tính độn Mai hoa Dịch số (xem Việt Dịch chánh tông ở chương ba).

**D.** Dem chu kỳ tuần hoàn nhịp 8 vào đơn vị năm, cùng với ảnh hưởng của ngũ vận, lục khí, thiên can, địa chi và nhịp âm dương để tính Mệnh ngũ hành nạp âm cho 60 hoa giáp (xem điểm D) - Giá trị thời sinh học của chu kỳ bát quái 8 năm.

**Đ.** Dùng cung quái ở Hậu thiên bát quái theo hướng nhà ở làm một khách thể để tính hệ quả với Bản mệnh cứu cung của chủ thể, gọi là phép tính Bát môn cấm trạch (xem điểm B) - Giá trị thời sinh học của chu kỳ cứu cung 9 năm.

**E.** Dùng cung quái ở Hậu thiên bát quái theo hướng của mồ mà làm một khách thể để tính ảnh hưởng của di hài cha mẹ đối với con cái, gọi là phép tính Địa lý âm phần. Người ta dem tính chất âm dương của cung quái so sánh với vạn vật, với con người, gọi là quái tượng để tìm ra những hiện tượng tương ứng với cung quái, trong trời đất. Những người theo thuyết "Phong thủy", họ đi tìm ảnh hưởng của mạch đất đối với mồ mà để rồi tìm ra ảnh hưởng từ mồ mà tới con cháu trong gia đình. Hướng của mồ mà tính theo cung quái Hậu thiên đem lại ảnh hưởng cho từng thành phần trong gia đình như quái tượng trong kinh Dịch đã mô tả:

*Càn, phương tây bắc = Cha, Khôn, phương tây nam = Mẹ*

*Chấn, phương đông = con trai trưởng,*

*Khảm, phương bắc = con trai giữa,*

*Cấn, phương đông bắc = con trai út,*

*Tốn, phương đông nam = con gái trưởng,*

*Ly, phương nam = con gái giữa,*

*Đoài, phương tây = con gái út.*

Trong sách Địa lý ngũ quyết, quyển thứ bảy, phần "Thập nhị thủy khẩu cát hung đoán pháp", người ta đã mô tả ảnh hưởng theo đồ hình thú sáu như sau:

"Đinh sơn Quý hướng, Mùi sơn Khôn hướng, thủy xuất Khôn Thân phương, chủ thoái tài bất phát, tiểu nhi nan dưỡng, nam nữ thiên vong, phiếm tự, tiên bại trường phòng, thứ cập biệt phòng". Nghĩa là: "Quay lưng về hướng Đinh thuộc cung Ly, nhìn về hướng Quý thuộc cung Khâm, hoặc quay lưng về hướng Mùi thuộc cung Khôn, nhìn về hướng Sửu thuộc cung Cấn, mà nước ở phương Khôn, Thân chảy đi, chủ về tình hình của cái bị giảm, tài lộc không phát, những đứa con nhỏ thì khó nuôi, con trai con gái trời không để, không có người nối dòng dõi, trước hết là bại trường phòng, sau đến biệt phòng (con trường sau đến các con khác)"

Trong cả hai môn địa lý, dương trạch, nghiên cứu về môi trường cư trú của người sống, âm phần nghiên cứu về môi trường của người chết nằm, đều sử dụng bát quái Hậu thiên. Ngoài những hướng chính theo tám quái đem ảnh hưởng đến cho con người, người ta còn tìm đến ảnh hưởng của các công trình phụ, cảnh vật tự nhiên theo các hướng khác để hình thành sự tăng giảm cho ảnh hưởng do hướng chính gây ra, những tính toán cụ thể, chi tiết ấy xin để chuyên ngành làm, chúng ta không đem bàn ở đây vì khuôn khổ nội dung ở đây chỉ nhằm khai thác những nguyên lý chủ yếu mà thôi.

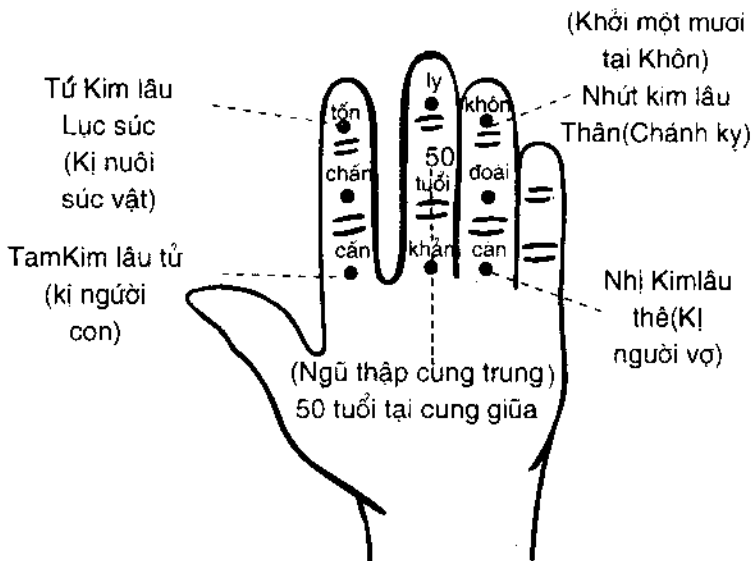
F. Bát quái kết hợp với cừu cung và tuổi còn được dùng để tính khởi tạo những công trình to lớn, thiết yếu phục vụ cuộc sống con người theo: Kim lâu, Hoang ốc v.v... Ví dụ: Sách Ngọc hạp chánh tông viết về Kim lâu:

"Phàm khởi tính một mươi tại Khôn, hai mươi tại Đoài, ba mươi tại Càn, bốn mươi tại Khôn, năm mươi tại cung giữa (nơi có số 50), sáu mươi tại Cấn, bảy mươi tại Chấn, tám mươi tại Tốn, và chín mươi tại Ly. Cũng vẫn tính hết tuổi chẵn rồi đến tuổi lẻ liên tiếp theo từng lóng tay nhau, đến khi trùng tuổi của mình thì trụ lại lóng ấy, rồi xem hình vẽ bàn tay coi nhằm chủ gì tốt hay xấu."

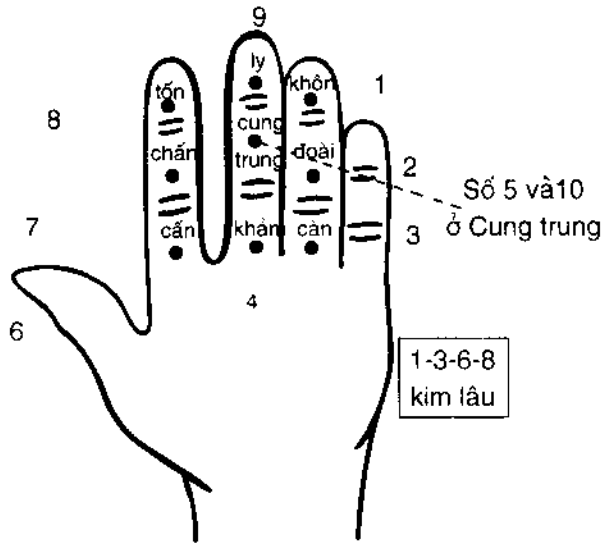
Trong đoạn văn này tác giả Viên Tài đã giải thích nhằm chữ ngũ thập cư trung. Có lẽ hàng chục vẫn tính theo liên đốt, chỉ có số 5 và số 10 nhét vào giữa mới đúng với quy luật cừ cung. Xin xem ở đầu chương thứ bảy để đối chiếu.

Theo cách nói 1-3-6-8 Kim lâu thì các cung 1 - Khôn, 3 - Cấn, 6 - Cấn, 8 - Tốn là Kim lâu, như Cấn 3, Khảm 4, Trung cung 5 lại ra liên đốt Cấn 6, Chấn 7, Tốn 8 là đúng với quy luật cừ cung trong mọi ứng dụng khác. Xin xem 2 hình dưới đây để so sánh; hình 55, 56.

**Hình 55 - Bàn tay Kim lâu**  
(Kỵ cất nhà)  
(Trích trong sách Ngọc hạp chánh tông)



Hình 56 - Số của cung Kim lâu theo Cửu cung



---

CHƯƠNG  
8

---

## THIÊN CƠ

Qua bảy chương sách chúng ta vừa tìm hiểu trên, chúng ta đang đứng trước một khối lượng khổng lồ về tư liệu ứng dụng giá trị thời sinh học của cổ nhân để lại, trong lòng chúng ta không khỏi nhiều suy nghĩ. Có thể đem những nét bản khoản chủ yếu nêu ra đây để chúng ta cùng nhau bàn luận làm nội dung trong chương này.

- Tác giả những công trình ứng dụng giá trị thời sinh học như đã nêu trên là người sống vào thời đại nào?
- Những tài liệu nói về hệ thống vũ trụ vận động để đem lại những ảnh hưởng cho đời sống, ta thường gọi là "Thiên Cơ", của các thời đại để lại tới nay có những gì?
- Hệ thống Vũ Trụ vận động có tên Thiên Cơ ấy được cấu tạo như thế nào?

---

TÁC GIẢ NHỮNG CÔNG TRÌNH ỨNG DỤNG GIÁ TRỊ  
THỜI SINH HỌC NHƯ ĐÃ NÊU TRÊN LÀ NGƯỜI SỐNG  
VÀO THỜI ĐẠI NÀO?

Nếu chúng ta căn cứ vào phân đoạn lịch sử của các học giả thời nay thì, ở phương Đông, khoảng từ thời nhà Hạ (2140 - 1711 trước Tây lịch - Theo Bảng đối chiếu âm dương lịch 2000 năm và niên biểu lịch sử - Hà Nội 1976) trở về trước được coi là thời thượng cổ. Khoảng cuối đời Thanh đến chiến tranh thế giới thứ hai được coi là thời cận đại.

Nếu chúng ta căn cứ vào nội dung thiên thứ nhất trong bộ sách Hoàng đế Nội kinh có tên "Thượng cổ thiên chân luận" chúng ta được biết những người nắm được Âm Dương đã được thời đó gọi là "Thượng cổ".

Bộ sách Hoàng đế Nội kinh, theo các cứ liệu lịch sử, đã được hình thành từ xa xưa và được sưu tập thành văn vào khoảng thời đại Tây-Chu. Như vậy, so với ngày nay, sách đã hình thành nội dung từ thời thượng cổ của ngày nay.

Đoạn văn trong "Thượng cổ thiên chân luận" đã được ông Huỳnh Minh Đức dịch âm Hán Việt và dịch nghĩa như sau:

*. Hoàng Đế viết: "Dư vấn thượng cổ hữu Chân nhân giả, đề khiết Thiên Địa, bả ốc âm dương, hô hấp tinh khí, độc lập thủ thần, cơ nhục nhứt nhất, cố năng thọ tộ Thiên Địa, vô hữu chung thời, thủ kỳ Đạo sinh,*

*"Trung cổ chi thời hữu chí nhân giả, thuần Đức toàn Đạo, hòa ư âm dương, điều ư tứ thời, khí thể ly tục, tích tinh toàn thân, du hành Thiên Địa chi gian, thị tính bất viễn chi ngoại. Thủ cái ích kỳ thọ, mệnh nhi cường giả dã, diệc quy ư Chân nhân,*

*"Kỳ thứ, hữu Thánh nhân giả, xử Thiên Địa chi hòa, tòng bát phong chi lý, thích thị dục ư thể tục chi gian, vô khuê sân chi tâm, hành bất dục ly ư thể, cử bất dục quan ư tục, ngoại bất lao hình ư sự, nội vô tư tưởng chi hoạn, dĩ diêm du vi vụ, dĩ tỵ đắc vi công, hình thể bất tộ, tinh thần bất tán, diệc khả dĩ bách số."*

"Kỳ thú hữu Hiền nhân già, pháp tắc Thiên Địa, tượng tự nhật nguyệt, biện liệt tinh, thời nghịch tòng âm dương, phân biệt tứ thời, tương tòng Thượng cổ, hợp đồng u Đạo, diệc khả sử ích thọ nhi hữu cực thời."

Dịch nghĩa (đoạn 4 - Thượng cổ thiên chân luận)

"Hoàng đế hỏi: "Ta nghe bậc Chân nhân thời Thượng cổ, chống giữ được với Thiên Địa, nắm giữ được Âm Dương, hô hấp tinh khí, đứng vững để giữ được thần, cơ và nhục rắn chắc. Cho nên họ sống quá tuổi thọ của Thiên Địa, không có lúc chấm dứt, đó là do ở tu dưỡng đúng Đạo mà được như vậy.

"Thời trung cổ, có bậc Chí nhân, giữ Đức được thuần, giữ Đạo được toàn, hòa được với Âm Dương, điều được với tứ thời. Tâm họ xa rời được những phiền toái của cuộc đời, thân tránh khỏi bị phiền nhiễu của thế tục, tích chứa được cái tinh, bảo toàn được cái thần, đi rong chơi trong cõi Trời Đất, nghe thấy trong cõi xa của tám phương. Đây chính là phép làm cho tăng thêm tuổi thọ để được mạnh khỏe vậy. Những bậc này cũng sẽ có thể quay về với các bậc Chân nhân.

"Thứ đến là bậc Thánh nhân, đứng được trong cái hòa của Trời Đất, theo được cái lý của tám phương, thích ứng được với lòng ham muốn trong thế tục, không có cái Tâm tức giận, sân si. Hành động của họ không muốn xa rời với cuộc đời, cử chỉ của họ không muốn trông vào nơi thế tục. Bên ngoài họ không để hình thể mình bị lao nhọc bởi sự việc, bên trong không có cái lo lắng về tư tưởng, lấy sự điềm tĩnh, vui vẻ làm nhiệm vụ, lấy việc thực hiện cái Đạo làm công lao. Hình thể họ không bị che lấp, tinh thần họ không bị phân tán. Được vậy, họ cũng sẽ sống được trăm tuổi.

"Thứ đến là bậc Hiền nhân. Họ bắt chước theo lẽ vận hành của Trời Đất mô phỏng theo cái tượng của mặt trời, mặt trăng, sống theo sự thay đổi của Thiên Vận, theo đúng lẽ nghịch, tòng của Âm

*Dương, phân biệt rõ sự thay đổi của 4 mùa. Họ theo đúng được với nếp sống của người Thượng cổ, thích hợp và đồng điều với Thiên Đạo. Được như thế, họ cũng có thể làm tăng tuổi thọ đến chỗ cao nhất". (Trích trong Nội kinh Tố Vấn - thiên: Thượng cổ thiên chân luận - Thành hội YHCTDT thành phố Biên Hòa - Câu lạc bộ y dược Tuệ Tĩnh lưu hành nội bộ - Không đề thời gian xuất bản).*

Trong các loại sách cũ, bộ Hoàng đế Nội kinh được xếp vào hàng cổ xưa bậc nhất. Nội dung sách nói về quy luật biến đổi âm dương trong Trời Đất và các phương pháp dưỡng sinh, các phương pháp chữa bệnh cho hợp với quy luật biến đổi âm dương trong con người, cho hợp với những biến đổi âm dương trong Trời Đất. Vì vậy, nội dung đoạn văn trích trên, mặc dù qua lời dịch của Ông Huỳnh Minh Đức còn có nhiều chỗ sai sót, chúng ta cũng nhận ra được rằng "tác giả những công trình ứng dụng giá trị thời sinh học như đã nêu trên là người sống vào thời thượng đại "Thượng Cổ" của thời thượng cổ đối với ngày nay."

Ngoài ra, chúng ta không thấy có tài liệu nào đạt được cả ba mặt, cổ nhất, đúng nội dung nhất và đáng tin cậy nhất như Hoàng đế Nội kinh này.

II

---

**NHỮNG TÀI LIỆU NÓI VỀ HỆ THỐNG VŨ TRỤ VẬN ĐỘNG ĐỂ ĐEM LẠI NHỮNG ÁNH HƯỞNG CHO ĐỜI SỐNG, TA THƯỜNG GỌI LÀ "THIÊN CƠ" CỦA CÁC THỜI ĐẠI ĐỂ LẠI TỚI NAY CÓ NHỮNG GÌ?**

Trong quá trình sưu tầm tài liệu, trước hết tôi định ra rằng, những tài liệu thuộc về bản đồ sao trên bầu trời không có giá trị về tầng,



hệ vận động, chỉ có giá trị cảm giác nhìn thì tôi không chọn vào. Ngược lại, những tài liệu tuy dẫn giải bằng lời văn nhưng có những số liệu chỉ kích thước, khoảng cách, hoặc mô tả ảnh hưởng cụ thể qua sự vận động đem lại cho đời sống, tôi đều tuyển chọn, nay xin giới thiệu mấy tài liệu tiêu biểu cho nhiều xu hướng đánh giá vũ trụ khác nhau như sau:

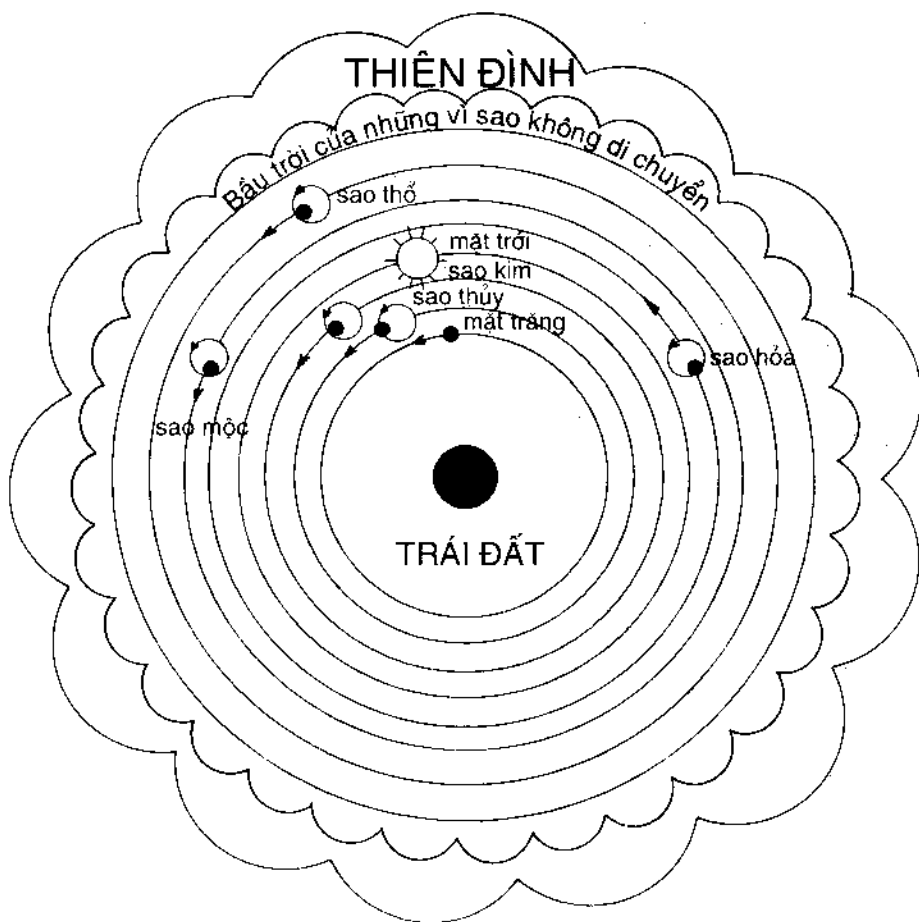
- Mô hình Vũ Trụ theo thuyết địa tâm của **Aristốt** và **Ptôlêmê**
- Mô hình bầu trời theo lý thuyết nhật tâm của **Nicôlai côpécních**.
- Thiên "Cửu trùng đồ" trong sách **Khải đồng thuyết ước**.
- Ngũ tinh phương vị, trong sách **Khải đồng thuyết ước**.
- Số liệu về hệ Mặt trời, theo sách **Bác vật tân biên**.
- Nhung tinh số (Bài văn cúng dâng sao giải hạn).

#### **A. Mô hình vũ trụ; hình 57.**

Theo thuyết địa tâm của **Aristốt** và **Ptôlêmê** trong sách "Khoa học kỹ thuật thế kỷ 20" - trang 22 - của tác giả Đinh Ngọc Lân - Nhà xuất bản Phổ thông - Hà Nội 1976.

Trong mô hình trên là những nhận thức về tầng, lớp thiên thể trong vũ trụ, nhưng thực ra đó mới là những nhận thức về các thiên thể trong hệ Mặt Trời. Ngoài hệ Mặt Trời, các tác giả đã coi là bầu trời sao cố định. Đây là nhận thức của thời cổ đại ở Hy Lạp mà **Aristốt** là một nhà Triết học lớn đại biểu của thời đại đó.

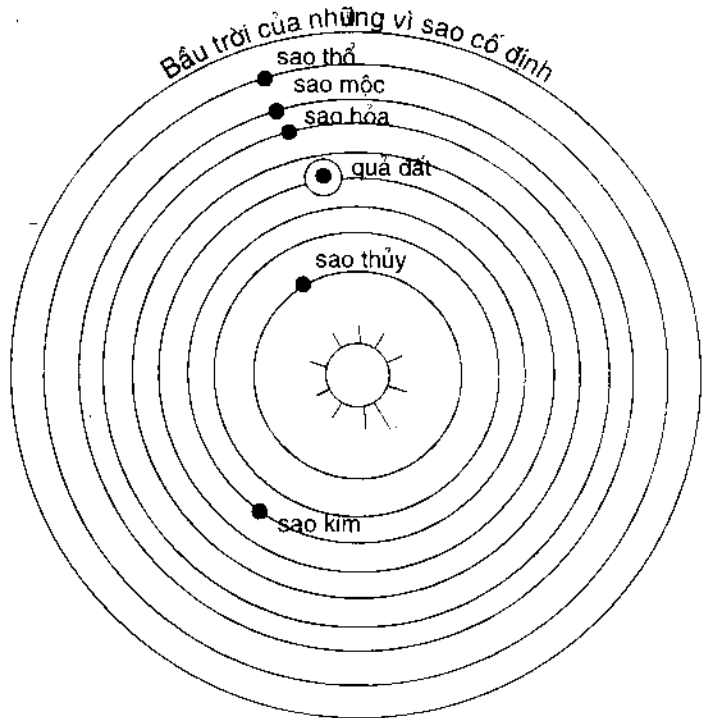
Hình 57



**B. Mô hình bầu trời; hình 58**

Theo lý thuyết nhật tâm của **Nicôlai Côpécnic** trong sách "Khoa học kỹ thuật thế kỷ 20" - trang 22 - của tác giả Đinh Ngọc Lân - Nhà xuất bản Phổ thông - Hà Nội 1976.

Hình 58



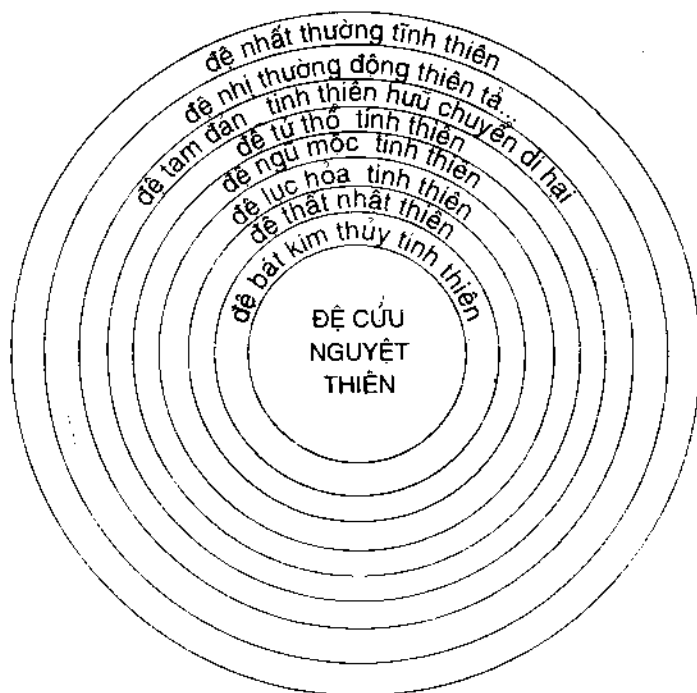
**Côpécnic** là một nhà thiên văn học vĩ đại thế kỷ 16 ở châu Âu. Thời đại Ông sống là thời đại khoa học kỹ thuật có nhiều thành tựu vượt bậc, nhất là nền sản xuất hàng hóa đã bước vào thời kỳ cơ giới hóa. (1473 - 1543)

### C. Thiên cứu trùng đồ; hình 59

(Hình vẽ chín tầng trời)

Theo sách "Khải đồng thuyết ước", in năm Tự Đức thứ 6 (1855, do Kim Giang Phạm Phú Tề biên soạn. Tiến sỹ Ngô Thế Vinh nhuận sắc.

Hình 59



**Nội dung hình vẽ như sau:**

- **Vòng ngoài cùng** = Thứ nhất, tầng trời thường yên tĩnh.
- **Vòng thứ hai** = Thứ hai, tầng trời thường động chuyển về phía trái đất.
- **Vòng thứ ba** = Thứ ba, tầng trời sao buổi sớm chuyển về phía phải và xuống.
- **Vòng thứ tư** = Thứ tư, tầng trời sao thổ.
- **Vòng thứ năm** = Thứ năm, tầng trời sao Mộc.
- **Vòng thứ sáu** = Thứ sáu, tầng trời sao Hỏa.
- **Vòng thứ bảy** = Thứ bảy, Mặt Trời.
- **Vòng thứ tám** = Thứ tám, tầng trời sao Kim, sao Thủy.
- **Vòng trong cùng** = Thứ chín, tầng trời của Mặt Trăng.

**D. Ngũ tinh phương vị**

(Trích trong sách "Khải đồng thuyết ước")

"*Phương Đông - Mùa Xuân, hành Mộc, gọi là Tuế tinh. Bốn tháng trọng trong năm đi 3 tú, bốn tháng mạnh, bốn tháng quý trong năm đi 2 tú, 12 tháng một vòng trời. Mộc tinh ở nước ta không thể tìm thấy, có thể người ta đã tìm thấy nó ở trước sau đó một xá là một tú khác (để ước chừng)... Sự ra vào của nó bất thường, điều thú hai này tất là có thiên diêu.*

"*Phương Nam - Mùa Hạ, hành Hỏa, gọi là Vinh Hoặc, thường lấy tháng mười hai nhập Thái vị viên, chịu chế mà ra. Sao Hỏa đi một xá ba mươi dặm, hai xá là không tốt, phương Đông làm bệnh thì bình tụ ở phương Đông, phương Tây làm bệnh thì bình tụ ở phương Tây.*

"*Trung Ương, quý, hành Thổ, gọi là Trấn tinh, một năm một vòng trời, mất đi lần lượt đó mà thêm lên 1 xá đến 3 xá vào một vòng là nước lớn. Mất lần lượt đó mà giảm đi 2 xá là có hậu thích chi loạn*

(loạn do người thân thích ở phía sau).

"Phương Tây - Mùa Thu, hành Kim, gọi là Thái bạch, mọc ở Dần, Tuất, lặn ở Sửu, Mùi, mọc buổi sáng ở phương Đông 140 ngày mà lặn 35 ngày, lại mọc ở phương Tây 140 ngày mà lặn 35 ngày rồi thì lại mọc. Thái bạch cùng đi ngang qua trục Nam Bắc, nó như là chui hầu chết của Mặt Trời, cùng với Mặt Trời chia Nam Bắc nhưng thứ yếu gọi là tú. Mọc sớm hơn là có nhật thực, mọc chậm hơn là Thiên diêu, chủ việc binh tượng.

"Phương Bắc, mùa Đông, hành Thủy, gọi là Thìn tinh. Mùa Xuân thấy Sao ở vùng tú Khuê, Lâu. Mùa Hạ thấy ở vùng tú Đông Tinh. Mùa Thu thấy ở vùng tú Giác, Cang. Mùa Đông thấy ở vùng tú Khiên Ngưu. Mọc ở cung Thìn, Tuất, lặn ở cung Sửu, Mùi.

Sáng sớm thấy ở phương Đông,

Buổi tối thấy ở phương Tây,

Mọc sớm hơn là nhật thực,

Mọc muộn hơn là có sao chổi,

Bốn buổi sớm liền không thấy mọc thì dối to,

Mọc ở về vị trí sao Phòng chủ về động đất."

### **Đ. Những số liệu về Hệ Mặt Trời**

(Theo sách Bác vật tân biên của Anh Quốc, Y sỹ Hợp Tin soạn bản chữ Hán chép tay)

#### **1. Thời gian tự xoay, và di chuyển**

- Mặt Trời tự xoay (quan sát từ quả đất): 26 ngày một vòng ngược chiều kim đồng hồ.
- Sao Thủy tự xoay 12 thời linh năm phân. Di chuyển một quỹ đạo hết 87 ngày, 11 thời, 4 khắc, 25 phân.
- Sao Kim tự xoay 11 ngày, 4 khắc, 21 phân. Di chuyển một quỹ đạo hết 224 ngày, 8 thời.
- Sao Hỏa tự xoay 12 thời, linh 39 phân. Di chuyển một quỹ

đạo hết 627 ngày.

- Sao Mộc tự xoay 4 thời, 4 khắc, 55 phân. Di chuyển một quỹ đạo hết 13 năm, 315 ngày.

- Sao U-Ni-Nạ-Sỹ di chuyển 31.589 ngày hai vòng quỹ đạo (31 ngàn 589 ngày)

- Sao Nhiếp Đoạn di chuyển 116 năm một vòng quỹ đạo

## 2 · Độ lớn

- Mặt Trời lớn hơn quả đất 130 vạn lần,

- Quả Đất lớn hơn sao Thủy 14 lần,

- Quả Đất lớn hơn sao Hỏa 3 lần,

- Quả Đất tương đương với sao Kim,

- Sao Thổ lớn hơn Quả Đất 1000 lần,

- Sao Mộc lớn hơn Quả Đất 1400 lần,

- Sao U-Ni-Nạ-Sỹ lớn hơn Quả Đất 80 lần,

- Sao Nhiếp Đoạn lớn hơn Quả Đất 250 lần.

## 3 · Khoảng cách

Nếu Quả Đất cách Mặt Trời 10 phần, thì:

- Sao Thủy cách Mặt Trời 4 phần,

- Sao Kim cách Mặt Trời 7 phần,

- Sao Hỏa cách Mặt Trời 16 phần,

- Sao Mộc cách Mặt Trời 52 phần,

- Sao Thổ cách Mặt Trời 100 phần,

- Sao U-Ni-Nạ-Sỹ cách Mặt Trời 190 phần,

- Sao Nhiếp Đoạn cách Mặt Trời 196 phần.

Ngoài ra còn bốn sao nhỏ: Uy Thổ Dã tiểu tinh, Tu Li Thổ tinh, Ly Giáp Thổ tinh, Châu Na tiểu tinh. Các sao nhỏ này

quá nhỏ bé nên không đo được kích thước và khoảng cách tỉ mỉ. Chúng nằm giữa khoảng cách sao Hỏa và sao Mộc.

**E. Nhung Tinh số** (Một loại tờ trình khi cúng dâng sao giải hạn). Nhung tinh số là một văn bản trong tập văn của các nhà Đạo pháp phái Phù Thủy. Nội dung nói về gia chủ gặp sao chiếu mệnh gây ra nhiều tai nạn cho gia đình, thầy Pháp đã thay mặt gia chủ cầu xin các vị Thánh trên trời, bằng phép trời của mình, các Thiên thần sẽ giúp gia chủ xua đuổi tai nạn, đổi khó thành may, đem lại cảnh yên vui trong gia đình.

Điều đáng chú ý trong văn bản này là nhận thức về mối quan hệ giữa con người và trời đất, con người được sinh ra nhờ nhị khí Âm Dương (Càn, Khôn), sống trong ánh sáng của Mặt Trời và Mặt Trăng thay nhau chiếu. Đoạn này với nội dung nhận thức về mối quan hệ giữa con người và Trời Đất ở Nội kinh là giống nhau. Nhưng quan trọng nhất, đó là đoạn nói về Thánh hiệu. Trong đoạn này, bản văn đã cho ta biết giới hạn cao nhất của những tinh tú đem lại ảnh hưởng cho đời sống con người là sao Bắc Cực, với tên "Trung Thiên tinh chứa Bắc cực Tử Vi Đại Đế Ngọc Bệ Hạ, kể đến là các chòm sao Nam Tào, Bắc Đẩu, Nhật cung (Mặt Trời), Nguyệt cung (Mặt Trăng), Ngũ hành tinh, La Hầu, Kế Đô, Ngũ hành, Bát quái, Nhị thập bát tú, v.v... Hệ thống tinh tú này trong Hoàng đế Nội kinh không cho ta biết theo kiểu tổng đồ, mà đã nói đến những ảnh hưởng cụ thể, có thể tính toán chi tiết, lại rải rã ở khắp các thiên, như nói về Âm Dương, có các thiên Thượng cổ Thiên chân luận, Âm Dương ứng tượng đại luận; nói về Ngũ vận, Lục khí có các thiên Thiên nguyên kỳ đại luận, Khí giao biến đại luận, v.v... Còn như trong năm tài liệu mà tôi vừa giới thiệu trên là: Mô hình Vũ trụ theo thuyết địa tâm của Aristốt và Ptolômê, Mô hình bầu trời theo lý thuyết nhật tâm của Nicôla Còpécnic, Thiên cừu trùng đồ, Ngũ tinh phương vị, trong sách



Khả đồng thuyết ước, và Những số liệu về hệ mặt trời theo sách Bác vật tân biên, thì trong cả năm tài liệu này chỉ cho ta biết về các mặt thuộc hệ thống mặt trời, không có một chi tiết nào về ảnh hưởng Vũ trụ ngoài hệ Mặt trời.

Dưới đây là toàn văn bài **số dăng sao giải hạn**.

*Tình huy Ngân Hán, hoàng hoàng nan trắc nan danh,*

*Nhân tại trần gian, lục lục hữu nhưong hữu đảo,*

*Phàm tâm Phát cách, nhân Thánh phi dao:*

*Vận hữu Mỗ cư... quốc... tình... huyện... xã... thôn.*

*Phụng Phật,*

*Cùng rạng,*

*Xuân thiên nhưong tình giải hạn, tập phúc minh tường sự, kim tín chủ... Mỗ, tự trần bản mệnh, sinh... niên... nguyệt ... nhật... thời, hành canh... thập tuế, đồng gia quyền đẳng, tức nhật nhưong can, thiên cung phúc tình động thù chiếu giáng.*

*Thiết niệm: Thần đẳng sinh cư trung giới, mệnh thuộc thượng cung, hạ Kiền Khôn phú tái chi ân, cảm Nhật Nguyệt chiếu lân chi đức, không hoài dục dục, tiêu tâm nan báo nguy nguy đại đức,*

*Thần Mỗ tự trần bản mệnh sinh u... niên... nguyệt... nhật... thời, kiến sinh hạ thuộc thượng lệ Mỗ tình, hành canh... tuế, kim niên sở tại... tình chiếu mệnh đồng gia quyền đẳng.*

*Thiết lự, Thiên thời chi hữu cát, hung, nhân vận chi hữu hĩ, thái.*

*Tú thị thần phùng mặt vận, số hữu quai thường, Nhật tương, Nguyệt tự hành tàng, mỗi niệm quải vi dạ mị. Trúc, hưng, động, tinh, hoặc do cưu ký lự tại tình phân súc, tái tư ác vận trùng gia, tư giá tích phùng mỗ tiết, cày kỳ tuyên điển khoa nghi, căn cụ số văn phụng thượng.*

Thánh hiệu:

Nam Vô Trung thiên Tinh chúa Bắc Cực Tử Vi Đại Đế Ngọc Bệ hạ,  
Nam Vô Nam tào Lục ty duyên thọ Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Bắc đẩu Cửu hoàng giải ách Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Nhật cung Thái dương Thiên tử Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Nguyệt cung Thái âm Hoàng hậu Tinh cung Thánh tiên,  
Nam Vô Đông phương Giáp, Ất Mộc đức Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Nam phương Bính, Đinh Hỏa đức Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Tây phương Canh, Tân Kim đức Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Bắc phương Nhâm, Quý Thủy diệu Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Thiên cung Thần tiên Lá Hầu Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Thiên cung Phân ty Kế Đô Tinh quân Thánh tiên,  
Nam Vô Ngũ hành, Bát quái, Nhị thập bát tú Tinh quân Thánh tiên,

Cung vọng:

Hoàng Thiên âm chất, Thượng Đế giáng trung,  
Nam tào chi Hồng tạ hồi quang, Lục vị tiêu trừ lục cực,  
Bắc Đẩu chi Huyền cơ mặc vận, thất nguyên năng giải thất thương,  
cửu diệu chiếu lai,  
Cửu Lão Đồ Trung Thiên thọ tịch ngũ ô, tổng khú ngũ hành,  
vận lý tại xuân phong hải ngoại, trực tam tai, tam quang, cửu  
diệu tam thiên chi thế giới,  
Gia trung Đồ Bát Quái Bát Tiên thiên bát bách chi hà minh, ngũ  
quý tiềm hình ngũ phúc, nhi hoàng trừ phu tích, ngũ tinh tụ hội  
ngũ phương nhi đế thế như xuân,  
Bối điệp kinh tuyên, tự tự chú duyên niên chi quyết.  
Triều âm kê xướng, thanh thanh giai thượng thọ chi ca,

*Phật nhật tăng huy, sắc thị không nhi không thị sắc,  
Pháp luân thường chuyển, nhân ly nạn nhi nạn ly nhân,  
Cảnh thổ điện an, thường đắc hữu hằng chi khách,  
Thiên quan tư phúc, vĩnh tiêu vô vọng chi ưu,  
Niên, thời, nhật, nguyệt hằng phong, sự sự chứng Như Lai chi  
nguyện,  
Xuân, hạ, thu, đông ích thái, nhân nhân tu Đa Lợi chi phương,  
Bản thân hạ tình vô tâm khích thiết bình dinh chi chí cần cụ  
tạ,  
Thiên vận... niên.. nguyệt... nhật... thời.*

Theo nội dung trên, có người cho rằng ta không thể căn cứ vào một văn bản có tính chất thuần túy tín ngưỡng để xem xét Vũ Trụ được.

Ở đây, chúng ta xem xét văn bản này trong nền nhận thức chung của phương Đông. Trong khi ở bộ sách Hoàng đế Nội kinh đã cung cấp cho chúng ta mọi tài liệu về mối quan hệ giữa con người với Trời Đất, mỗi biến đổi ở trong Trời Đất đều ảnh hưởng tới con người, con người phải biết lựa chọn một cách sống sao cho thích nghi để giữ gìn sức khỏe, tránh bệnh tật, kéo dài tuổi thọ. Vậy, hình ảnh Vũ Trụ trong nương tinh số không thể là không có cơ sở hiện thực. Hãy bỏ những lời thỉnh nguyện ở nội dung số ra, chúng ta có được một nét phác về hình ảnh tổng quát của một Vũ Trụ trong giới hạn tối đa của nhận thức mà người phương Đông xưa có được. Tuy là một nét phác về hình ảnh tổng quát của Vũ Trụ, nhưng cái hệ thống trong nét phác ấy, ở những tài liệu khác đã không có, cho nên, đối với chúng ta mặc dù nó không đủ giá trị

của một cơ sở, nhưng nó cũng là một gợi ý, để rời với những quy luật thời gian mà ta đã khai thác được không những chỉ ở giá trị thời sinh học của nó, mà chúng ta còn đã chứng minh được sự vận động Vũ Trụ gây ra những giá trị đó, chúng ta sẽ tiến tới dựng lại một mô hình Thiên Cơ theo khả năng nhận thức của người phương Đông xưa có cơ sở khoa học lý luận hơn.

III

## HỆ THỐNG VŨ TRỤ VẬN ĐỘNG CÓ TÊN THIÊN CƠ ẤY ĐƯỢC CẤU TẠO NHƯ THẾ NÀO?

### A - Quá trình tìm hiểu Thiên Cơ của con người

Thiên Cơ nghĩa là bộ máy trời, Thiên Cơ trong nhận thức con người xưa và nay được hiểu như sau:

Một là, Thiên Cơ là một bộ máy Trời, trong đó mỗi Thiên thể là một bộ phận trong bộ máy đó. Sự vận động của mỗi Thiên thể, tức là mỗi bộ phận trong bộ máy đó đều do một quy luật cơ học Vũ Trụ điều hành, và toàn bộ có một trục, một chuẩn định hướng.

Hai là, vạn sự, vạn vật nằm trên trái đất và cõi trời này đều bị bộ máy đó chi phối, định đoạt.

Trong quá trình nhận thức về bộ máy Trời, ở mọi người đã chia ra hai xu hướng:

- **Xu hướng thứ nhất** - Lấy trực nghiệm, so sánh nhằm lý giải nguồn gốc vật chất của sự vận động trong bộ máy Trời, từ đó tìm hiểu bản chất những tác động khác nhau vào đời sống con người do sự vận động kia gây ra.
- **Xu hướng thứ hai** - Người ta cho rằng Thiên Cơ do một đấng tối cao có tên là "Ông Trời" xếp đặt và điều khiển

mọi hoạt động của bộ máy đó. Cuộc sống con người cũng là do Trời sinh ra, mọi hoạt động của con người đều do Trời định. Con người với những khả năng hạn hẹp của mình, họ chỉ nên an phận làm ăn chăm chỉ, giữ lễ tôn trọng Trời và Thần Thánh, khi gặp vận hạn thì cầu cúng kêu xin.

Hai xu hướng nhận thức tuy có khác nhau, nhưng trong quá trình sống, con người đã ngày càng tìm hiểu và ghi nhận những kinh nghiệm hàng ngày về hoạt động của bộ máy Trời, do đó mới có những tài liệu để cho chúng ta xem xét ở đây.

Lịch sử cho hay rằng từ buổi bình minh của nhân loại, ở phương Đông, Vua Nghiêu đã chú trọng việc đo đạc sự vận hành của Trăng, Sao để định ra Lịch. Trong cuốn sách "Lịch và Lịch Việt Nam", cụ Hoàng Xuân Hãn có ghi lại lời Vua Nghiêu như sau:

*. Khi ngày dài là trung bình mà sao là **Điểu**, thì là giữa Xuân...*

*. Khi ngày dài nhất, sao là **Hỏa**, thì là giữa Hạ...*

*. Khi đêm dài trung bình, sao là **Hư** thì là giữa Thu...*

*. Khi ngày ngắn nhất, sao là **Mão** (sao rùa, Pléiades) thì là giữa mùa Đông..."*

*. Rồi Nghiêu lại nói: "Này hỡi các người Hi, Hòa: Năm quay lại sau ba năm với sáu tuần, với sáu ngày, lấy tháng Nhuận để đặt đúng 4 mùa khiến cho hợp với năm thời tiết..."*

Các tài liệu khảo cổ ở Trung Quốc cho biết, người ta đã đào được những hiện vật dùng vào việc đo đạc thiên văn từ thời đại Chiến quốc.

Sử Việt Nam cũng cho biết, dưới triều Trần, có viên quan là Đặng Lộ đã chế ra được một bộ máy đo đạc sự vận hành của trăng sao, bộ máy đó có tên là "Linh lung nghi". Viên quan này còn làm ra

được sách lịch tên là "Hiệp Kỳ".

Kết quả của tất cả các cuộc thực nghiệm đo đạc ở tất cả các thời đại từ Đông sang Tây cũng mới chỉ là những số liệu về kích thước, tốc độ, khoảng cách của các thiên thể trong hệ Mặt Trời. Nhưng điều đáng nói hơn lại là ở chỗ các số liệu thì theo sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật mà ngày càng chính xác hơn. Thế mà những hiểu biết ấy mới thỏa mãn được một phần mong muốn hiểu biết của con người, còn thì thật sự là chưa dùng vào công việc cải thiện cuộc sống con người được là bao!

**B - Một kho báu kinh nghiệm ứng dụng mà chúng ta chưa biết nguồn gốc nảy sinh.**

Nếu ta đem ra so sánh với nhau, một bên là khối lượng khổng lồ về tư liệu ứng dụng giá trị thời sinh học cổ phương Đông mà tôi đã giới thiệu trong suốt bảy chương của tập sách này, còn một bên là những tài liệu nói về những nhận thức đã có trong lĩnh vực Thiên cơ, cái nguồn gốc nảy sinh ra những giá trị thời sinh học kể trên thì quả là một sự chênh lệch thái quá. Như vậy, có thể nói rất nhiều quy luật thời gian với giá trị thời sinh học của nó tới nay vẫn chưa hề có những tài liệu cho biết về nguồn gốc của nó, bởi vì với những khả năng giác quan thông thường cũng như những phương tiện kỹ thuật hiện nay không cho phép chúng ta đi xa hơn những hiểu biết về hệ Mặt Trời.

Hãy nêu một nhận xét về Trời Đất vùng phương Đông xưa trong sách Nội kinh đã được Thiên Sư Tuệ Tĩnh nhắc lại trong mục Tãng bổ Vạn kim nhất thống thuật ở sách Hồng nghĩa Giác tư y thư của ông làm ví dụ; "*Trời khuyết phương Tây Bắc, Đất khuyết phương Đông - Nam*" Đây là một nhận xét đặc điểm địa dư vùng phương Đông rất khái quát mà chính xác, ở phương Đông, nếu có một khả năng nhìn xa hàng mấy nghìn cây số, thì khi chúng ta đứng ở giữa vùng lưu vực phía nam sông Dương Tử và vùng lưu

vực sông Hồng Hà, về phía Tây Bắc chúng ta sẽ thấy được Hy mã Lạp sơn che mát khoảng bầu trời khá cao, thì khi nhìn về phía Đông Nam chúng ta sẽ thấy đất bờ biển Đông và vịnh Bắc bộ thiếu hẳn một mảng lớn phía Đông Nam. Vậy người xưa, bằng cách nào để có được nhận xét này? Các cụ đã ngồi khinh khí cầu hay trên vệ tinh thám không để quan sát mà rút ra kết luận đó chăng? Đó là ta chưa kể đến câu hỏi về ảnh hưởng khi hậu do sự vận động ngoài hệ Mặt Trời gây ra như Ngũ Vận, Lục Khi thì người xưa đã bằng cách nào để quan sát và kết luận thành quy luật được?

**C - Theo hệ quả để xét nguyên nhân, một con đường duy nhất để tiếp cận suy nghĩ của người xưa, dựng lại hệ thống Vũ Trụ vận động được coi là Thiên Cơ.**

Những quy luật thời gian cổ phương Đông kèm theo giá trị thời sinh học của nó đã được ứng dụng trong đời sống và trải qua thử thách của thời gian lâu dài trong lịch sử con người, đó là một tài sản vô cùng quý giá. Theo hệ quả xét nguyên nhân là con đường duy nhất trong hoàn cảnh hiện nay để tiếp cận suy nghĩ của người xưa. Dựng lại được hệ thống Thiên Cơ không chỉ để chứng minh một hiện thực đã có sẵn, mà là một công việc làm tăng thêm khả năng nhận thức cho con người trên bình diện xã hội, do đó góp phần làm cho cuộc sống xã hội của con người ngày càng tốt đẹp hơn. Các loại phương tiện kỹ thuật cao nhất hiện nay mà loài người đang có trong tay sẽ không có khả năng giúp ta được gì mấy trong bước đường đi này chỉ vì tính chất và mục đích của hai nền khoa học cổ, kim và Đông Tây còn xa nhau. Và lại, khi kỹ thuật càng cao thì tính chất phổ cập xã hội càng giảm, đó cũng là một quy luật nghiệt ngã mà ta phải chấp nhận.

Theo tin tức khoa học gần đây, nếu ống kính thiên văn Vũ Trụ ở nhiều nơi trên thế giới đều đã được bắt gặp những trung tâm phát

ra nguồn năng lượng rất mạnh, nhưng những khí cụ thiên văn này không xác minh được vật chất cơ bản ở đây là gì, kích thước là bao nhiêu? Có những vùng mà khoa học ngày nay chưa biết có những gì trong đó nên người ta gọi là những "hố đen" trong Vũ Trụ.

Từ những tài liệu về các quy luật thời gian cổ và giá trị thời sinh học của nó, chúng ta có thể đặt ra một giả thiết rằng người xưa đã có những khí cụ riêng và một cách tính toán riêng để tìm ra nó, mà trong suốt mấy nghìn năm, kể cả cho tới ngày nay chúng ta đã chưa đạt tới trình độ khoa học kỹ thuật tương tự. Và cũng có thể người xưa đã đoán biết được những chậm trễ về bước tiến trên con đường tiếp cận nhận thức của họ, cho nên họ chỉ để lại cho chúng ta những gì có thể ứng dụng trong đời sống là đủ. Chúng ta đã nói với nhau về hai bản đồ hình Hà đồ và Lạc thư, cũng nên nhân đó mà nhắc lại rằng, chỉ mới có thể mà trải mấy nghìn năm nay đã làm cho loài người chúng ta bàn cãi mãi không ra, thế thì những vấn đề phức tạp hơn, cao xa hơn, thử hỏi loài người sẽ cần phải đến chừng bao nhiêu thiên niên kỷ để bàn cãi cho thấu. Do đó, người xưa đã không để lại gì hơn những quy luật ứng dụng ắt phải là có lý lắm lắm thay!

Trước đây, trong suốt thời gian khá dài, con người đã chỉ tin vào giác quan của chính mình, người ta đã phủ nhận những gì mà con người không thể cảm nhận được, thế nhưng gần đây, nhờ sự tiến bộ của khoa học bằng những công cụ mới mà người ta có thể đo vẽ được vectơ lực từ, có thể nhìn thấy trong đêm tối bằng đèn hồng ngoại tuyến, đo được điện trường sinh học ở vạn vật v.v... là những thứ vốn tồn tại trong vật chất, là những thuộc tính của vật chất ngay từ khi có vật chất, thế nhưng trước đây con người chưa hề biết đến rằng đã có những thứ đó ở trong cõi đời này.

Nếu ta giữ vững được niềm tin lâu dài, chúng ta hy vọng rằng trong



tương lai, con người sẽ có thể chế ra những công cụ giúp con người nhận thức được tất cả những gì cần biết. Nhưng hy vọng là hy vọng, việc phải làm cú phải làm, và việc chúng ta theo hệ quả để xét nguyên nhân là công việc nằm trong khả năng ta, và theo tôi là con đường duy nhất hiện nay để tiếp cận suy nghĩ của đời xưa!

Ngày nay, theo hệ quả để xét nguyên nhân, từ đó dựng lại hệ thống Vũ Trụ vận động được gọi là Thiên Cơ không phải là một việc làm hoàn toàn mới mẻ. Ngày xưa Vua Phục Hi đã vẽ lại Hà đồ, dựng ra Tiên Thiên bát quái, Chu Văn Vương đã vẽ theo Lạc thu và dựng ra Hậu Thiên bát quái, Chu Liêm Khê đã vẽ ra Thái Cực Đồ, sách Trung Y Khai Luận đã vẽ ra đồ hình vận chuyển của Ngũ Vận, Lục Khí. Hải thượng Lân ông cũng đã vẽ đồ hình vận chuyển của Ngũ vận, Lục khí theo quan niệm của ông trong tác phẩm Vận khí Bí điển, các nhà Đạo Pháp đã mô tả hình ảnh Thiên Cơ trong một nội dung Nhưong Tinh Số v.v.... đều là những cố gắng để miêu tả từng phần, từng mặt, hay khái quát những thuộc tính của Thiên Cơ. Phải quan niệm rằng, ngày nay, chúng ta dựng lại đồ hình Thiên Cơ là tiếp nhận những bước mà người trước đã làm nhưng chưa toàn bộ, chưa hoàn chỉnh, và công việc của chúng ta, hy vọng cũng chỉ là những bước trên con đường đi đến toàn bộ, đi đến hoàn chỉnh mà thôi.

#### **D . Chất liệu để chúng ta có thể kết cấu các quy luật thời gian cổ phương Đông thành đồ hình Thiên Cơ.**

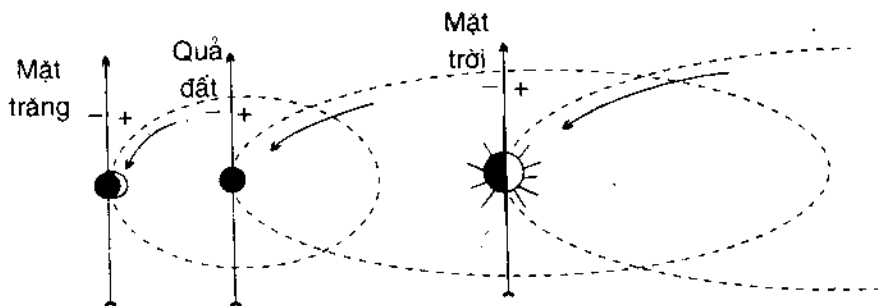
Đồ hình Thiên Cơ mà tôi trình bày sau đây là tôi đã lấy cơ sở từ những quy luật thời gian cổ phương Đông và nhờ những chất liệu kết dính chúng lại là "những nhận thức quy luật tương tác Vũ Trụ" như sau:

**1. Một thiên thể di chuyển quanh một thiên thể khác**, trong hai thiên thể đó, một cái đã là vệ tinh, còn một cái đã làm tâm, của hệ vận động đó.

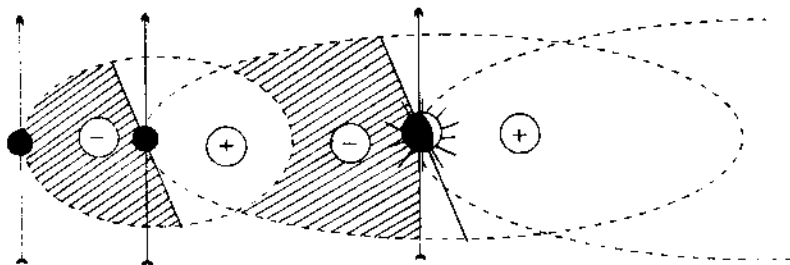
**2. Sự vận động của các thiên thể** là đồng thời và theo nhiều cấp hệ vận động như: Mặt trăng di chuyển quanh Quả đất, trong khi Quả đất di chuyển quanh Mặt trời, khi Mặt trời di chuyển quanh thiên thể khác v.v...

**3. Trong khi một thiên thể làm vệ tinh di chuyển trên quỹ đạo quanh một thiên thể làm tâm, hướng phát ra năng lực tạo thành quan hệ vận động đó chủ yếu là từ thiên thể làm tâm, cũng là từ tâm quỹ đạo, cho nên nửa vệ tinh hướng về tâm quỹ đạo là nửa dương, nửa đối diện với tâm quỹ đạo là âm. Đồng thời, theo quan hệ nhiều cấp vận động, mỗi quỹ đạo cũng tùy theo hai nửa âm dương của thiên thể làm tâm quỹ đạo mà có hai nửa âm dương trên quỹ đạo; hình 60, 61.**

**Hình 60** - Hình vẽ nhiều cấp hệ thiên thể vận động đồng thời

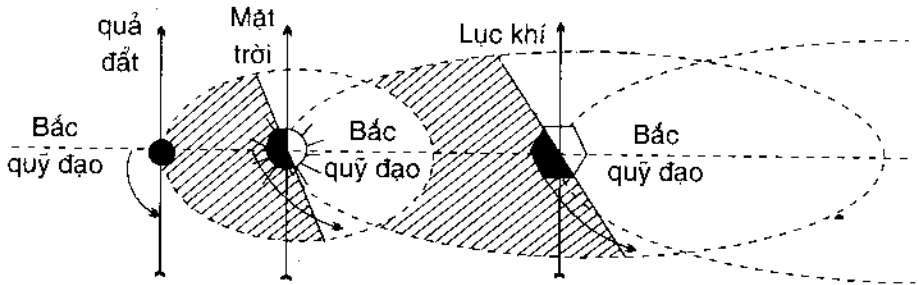


**Hình 61**- Hình vẽ hai nửa âm dương của các thiên thể và hai nửa âm dương của các quỹ đạo.



**4. Điểm cực bắc các quỹ đạo** được định bằng điểm chính giữa nửa âm của các quỹ đạo, tức là luôn trên đường thẳng nối ba thiên thể trong quan hệ vận động trực tiếp nối nhau; hình 62.

Hình 62



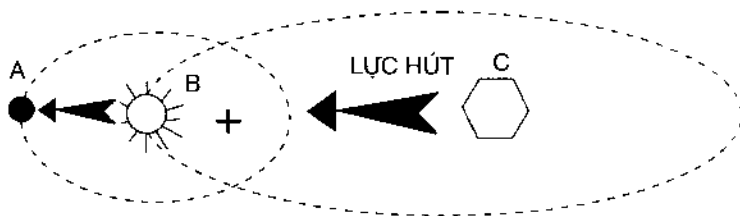
**5. Điểm khởi đầu các chu kỳ thời gian** trong tất cả các quy luật thời gian đều tính từ hướng bắc quỹ đạo (Phương Bắc hành Thủy).

**6. Trong ba thiên thể có quan hệ vận động trực tiếp nối tiếp A-B-C, v.v... khi A làm vệ tinh của B, B làm vệ tinh của C, trong quá trình A vận động quanh B có hai hiện tượng tương tác đặc biệt xảy ra:**

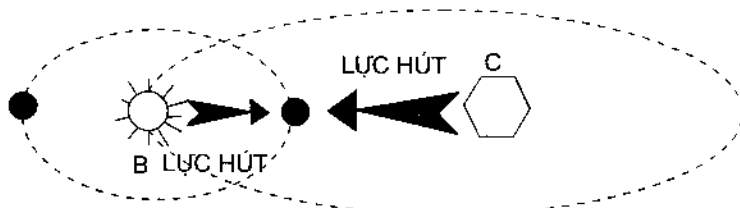
- a. Khi A đối diện với C qua tâm B, lực hút của B và C đối với A là lực cộng hưởng, do đó, A bị lôi về gần B; hình 63.
- b. Khi A nằm giữa đường thẳng nối B và C, lực hút giữa B và C đối với A là lực giằng kéo về hai phía, trong đó, tất nhiên lực của C sẽ mạnh hơn lực của B, do đó, A bị lôi ra xa B hơn ở trường hợp trên; hình 64.

Hai hiện tượng đặc biệt trong quan hệ tương tác bộ ba thiên thể nói chung đã tạo ra hiện tượng các quỹ đạo nói chung có hình tròn lệch tâm.

Hình 63



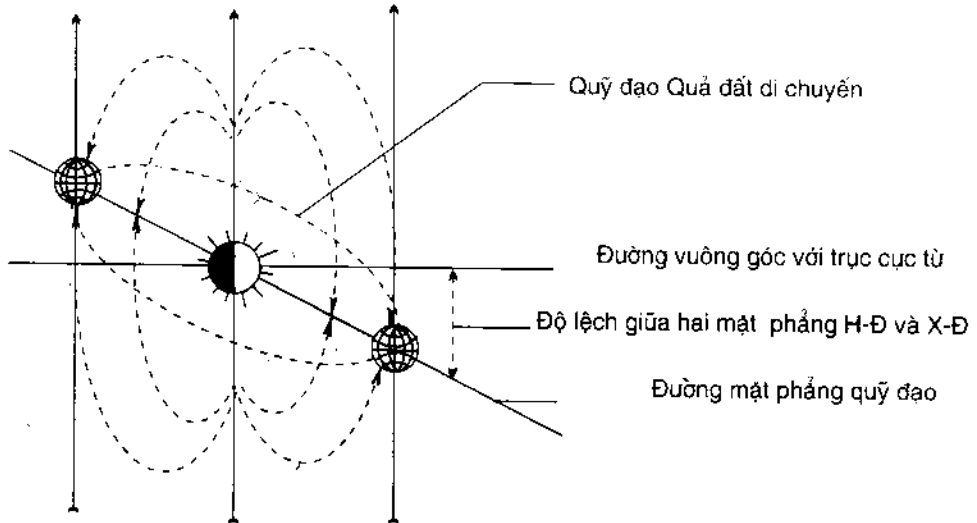
Hình 64



7. Trong quan hệ vũ trụ, người ta cho rằng có một định lý là: "Mọi vệ tinh đi quanh thiên thể làm tâm trên đường triệt tiêu lực từ trường của thiên thể làm tâm đó". Nhưng do từ trường của các thiên thể vũ trụ còn có một định lý nữa là "ở nửa dương của thiên thể, lực từ ở cực Nam mạnh hơn lực từ ở cực Bắc; ngược lại, ở nửa âm của thiên thể, lực từ ở cực Bắc lại mạnh hơn lực từ ở cực Nam, do đó, đường triệt tiêu lực từ trường của mọi thiên thể đều không phải là đường có mặt phẳng vuông góc với trục xuyên qua hai cực từ. Tùy theo sự chênh lệch lực giữa hai lực từ ở hai nửa âm dương của từng thiên thể khác nhau mà đường triệt tiêu lực từ trường của từng thiên thể có độ lệch khác nhau. Ở Quả Đất, độ lệch đó là 18 độ 53 phút, do đó

Mặt Trăng di chuyển trên đường này gọi là Bạch đạo. Bạch đạo có độ lệch mặt phẳng với Xích đạo (Xích đạo là đường vuông góc với trục Quả Đất) là 18 độ 53 phút. Ở Mặt Trời, độ lệch của đường triết tiêu lục tử trường là 23 độ 27 phút, do đó Quả Đất di chuyển trên đường này gọi là đường Hoàng đạo. Hoàng đạo so độ lệch mặt phẳng với Xích đạo là 23 độ 27 phút; hình 65.

**Hình 65** - Hình vẽ độ lệch đường triết tiêu lục tử trường quanh Mặt Trời



## **D. Hệ thống Thiên Cơ và đồ hình**

### **1. Hệ thống Thiên Cơ**

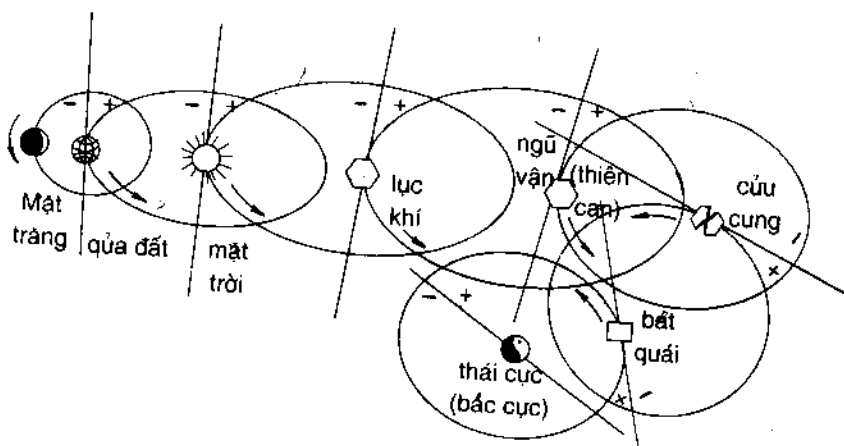
Theo những đơn vị thời gian và quy luật thời gian cổ phương Đông thì hệ thống vũ trụ vận động đem lại ảnh hưởng cho đời sống con người đã được ghi nhận gồm có:

- Mặt Trăng di quanh Quả Đất với chu kỳ 29,503 ngày,
- Quả Đất di chung quanh Mặt Trời 1 năm (365,25 ngày),
- Mặt Trời di chung quanh Lục khí 6 năm, ( $6 \times 2 = 12$  năm Địa chi).

- Lục khí đi chung quanh Ngũ vận 5 năm, ( $5 \times 2 = 10$  năm Thiên can),
- Thiên can đi chung quanh Cửu cung 4,5 năm, ( $4,5 \times 2 = 9$  năm Cửu cung),
- Cửu cung đi chung quanh Bát quái 4 năm, ( $4 \times 2 = 8$  năm),
- Bát quái đi chung quanh Thái cực, Thái cực tức là sao Bắc cực.

**2. Đồ hình mặt phẳng hình chiếu vận động của hệ thống thiên thể trong Thiên Cơ (phi tỷ lệ); hình 66.**

Hình 66



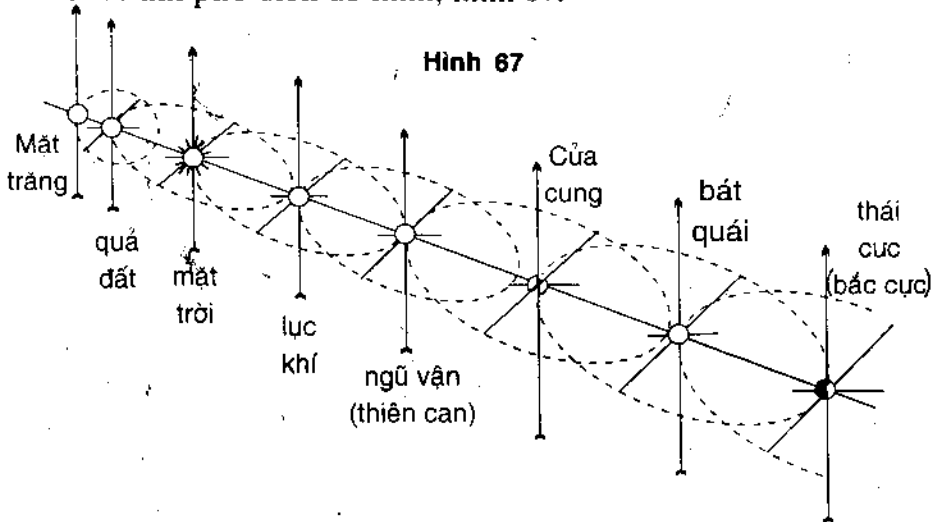
**Lưu ý**

- Cửu cung là một cặp đôi thiên thể

**3. Đồ hình mặt cắt đứng đường vận động của hệ thống thiên thể trong Thiên Cơ.**

Trong nội dung "Những nhận thức về quy luật tương tác Vũ Trụ" có phần nói về độ lệch mặt phẳng đường triết tiêu lục từ

trường của các thiên thể có sự khác nhau, đó là quy luật chung. Nhưng do ở những cấp hệ ngoài hệ Mặt Trời chúng ta chưa có được những số liệu cụ thể, cho nên trong đồ hình này, dựa vào quy luật chung về độ lệch mặt phẳng các quỹ đạo, tôi dựng lại mặt cắt bằng một độ lệch tượng trưng chung cho tất cả các mặt phẳng quỹ đạo ở vào thời điểm nối tiếp đồng dạng để đồ hình được đơn giản nhất, để hình dung nhất. Về khoảng cách các thiên thể với nhau và độ to nhỏ của đường kính các quỹ đạo khác nhau cũng được vẽ theo lối tượng trưng, phi tỷ lệ. Đó là những điểm cần thống nhất quan niệm giữa tác giả và khán giả trước khi phổ biến đồ hình; hình 67.



Trước khi kết thúc chương nói về Thiên Cơ, tôi xin nêu lại mấy ý kiến trong vấn đề này như sau:

- Dựng lại đồ hình Thiên Cơ là một công việc nối tiếp truyền thống nhận thức, trên cơ sở kết quả nhận thức của con người ở các thời đại trước, cộng vào đó khả năng chọn lựa và bổ xung thêm những nhận thức mới của con người ở thời đại chúng ta ngày nay.

- Những tư liệu về Quy luật thời gian cổ phương Đông cùng với những giá trị thời sinh học của nó vốn nằm rải rác ở trong các tài liệu ứng dụng của nhiều ngành khoa học phục vụ đời sống con người, nay đem tập hợp lại, nhưng nếu không có một phương pháp phân tích chính xác, có khoa học luận lý, thiếu những thông tin cần thiết về quy luật vật lý vũ trụ, chúng ta cũng không thể dựng lại được hình dáng của bộ máy Trời huyền diệu sẽ hoàn hảo như mong muốn của chúng ta.
- Hy vọng những gì có được ở đây là những bước đi có nền tảng vững chắc, để trên đó có thể chứa đựng được nhiều phát kiến đóng góp phong phú không ngừng.